

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  
TÒA PHÚC THẨM  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 185/2025/HS-PT  
Ngày 05 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh  
Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên  
Ông Nguyễn Văn Tửu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 481/2025/TLPT-HS ngày 11 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Vũ L; Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Vũ L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2025/HS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2025/QĐXXPT-HS ngày 25 tháng 8 năm 2025, đối với:

**- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Vũ L**, sinh ngày 18/8/1993, tại tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Số F, khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là số F, khóm T, xã T, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: Nhân viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1971; Vợ Lê Thị Ngọc C1, sinh năm 1995; Con 01 người, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/01/2024 cho đến nay (có mặt).

**- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vũ L:** Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D – Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

**Người bị hại:** Công ty Cổ phần L3; Địa chỉ: Lô M, Khu công nghiệp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa không triệu tập).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trước đó, bị cáo Nguyễn Vũ L được tuyển dụng vào làm nhân viên Kỹ thuật thị trường của Công ty Cổ phần L3 (Viết tắt Công ty). Ngày 03/10/2020, bị cáo L được Công ty bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng khu vực Long An - Bộ phận bán hàng thuốc bảo vệ thực vật. Với vai trò vừa là nhân viên kỹ thuật thị trường vừa là Trưởng khu vực Long An, bị cáo L có các nhiệm vụ: Theo dõi công nợ, thu nợ, thông báo cho Công ty biết về việc đặt hàng của các đại lý. Ngoài ra, để thúc đẩy doanh số bán hàng, bị cáo được quyền nhận lại hàng hóa từ đại lý bán chậm để giao sang các đại lý khác, số tiền thu được từ bán hàng hóa này bị cáo có trách nhiệm nộp về cho Công ty để cân trừ công nợ cho đại lý mà bị cáo đã thu lại hàng trước đó.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại Công ty, bị cáo L đã thu tiền công nợ, hàng hóa từ một số đại lý rồi bán lại cho các đại lý khác, nhưng không nộp tiền về Công ty, mà sử dụng vào mục đích cá nhân dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty. Công ty biết việc bị cáo L lại hàng hóa từ đại lý này để bán sang đại lý khác. Đến khi đối chiếu công nợ, Công ty đã trừ số tiền công nợ và hàng hóa mà bị cáo L đã chiếm dụng ra khỏi danh sách công nợ của đại lý. Tổng số tiền và hàng hóa bị cáo Nguyễn Vũ L đã chiếm đoạt của Công ty L3 với số tiền là 1.823.395.919 đồng. Cụ thể như sau:

1. Đối với H1 kinh doanh Sáu L1: Ông Nguyễn Thành P là nhân viên Kỹ thuật thị trường của Công ty, thu hồi công nợ của H1 kinh doanh này với số tiền 100.000.000 đồng và ngày 02/8/2021 chuyển tiền toàn bộ cho bị cáo L1; ngày 19/10/2021, bị cáo L1 trực tiếp thu 20.000.000 đồng của Hộ kinh doanh này. Tất cả các khoản tiền trên, bị cáo L1 không chuyển nộp tiền về Công ty mà sử dụng tiêu xài cá nhân.

Ngoài ra, ngày 08/5/2021 ông Nguyễn Thành P thu hồi của Hộ kinh doanh này gồm: 15 thùng (300 gói) thuốc trừ ốc bươu vàng Tatóo 150AB 800g giao lại cho bị cáo L1 để bán cho đại lý khác nhằm thúc đẩy doanh số bán hàng. Sau khi bán hàng và đã thu tiền, bị cáo L1 không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 5531/KL-HĐĐG ngày 28/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Long An, xác định: Thuốc trừ ốc bươu vàng Tatóo 150AB 800g do Công ty cổ phần L3 xuất bán cho H1 kinh doanh Sáu L1 có đơn giá 40.850 đồng/gói. *Tổng giá trị của 15 thùng (300 gói) thuốc trừ ốc bươu vàng Tatóo 150AB 800g là 12.255.000 đồng.*

2. Đối với H1 kinh doanh Thái Thị Thu T1 (N): Bị cáo L1 thu lại của Hộ kinh doanh này gồm: 05 thùng (1000 gói) thuốc trừ bệnh Lazole TSC 750WP 40g,

01 thùng (40 chai) Novo TSC 400EC 250ml, 01 thùng (20 chai) thuốc trừ bệnh Tvil TSC 50SC loại 01 lít, để bán lại cho đại lý khác và đã thu tiền. Bị cáo L1 không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 5531/KL-HĐĐG ngày 28/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Long An, xác định: Thuốc trừ bệnh Lazole TSC 750WP 40g do Công ty cổ phần L3 xuất bán cho H1 kinh doanh Thái Thị Thu T1 có đơn giá 15.732 đồng/gói; Thuốc trừ bệnh Novo TSC 400EC 250ml do Công ty cổ phần L3 xuất bán cho H1 kinh doanh Thái Thị Thu T1 có đơn giá 156.980 đồng/chai; Thuốc trừ bệnh Tvil TSC 50SC 1 lít do Công ty cổ phần L3 xuất bán cho H1 kinh doanh Thái Thị Thu T1 có đơn giá 72.480 đồng/chai. *Tổng giá trị của số hàng hóa trên là 23.460.800 đồng.*

3. Đối với H1 kinh doanh Ngân Thị T2 (B): Để nâng cao doanh số bán hàng, ông Huỳnh Minh H2 là nhân viên Kỹ thuật thị trường của Công ty thu 20 thùng (400 gói) thuốc trừ ốc bươu vàng Tadoo 150AB từ Đại lý để bán lại cho Đại lý Ú. Sau đó, ông H2 nhờ bị cáo L1 đến Đại lý Út Phạo để thu số tiền 16.320.000 đồng. Sau khi thu được tiền, bị cáo L1 không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

4. Đối với Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Út P1: Bị cáo L1 trực tiếp thu số tiền công nợ 50.473.600 đồng. Bị cáo L1 không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

5. Đối với H1 kinh doanh Trần Văn C2 (A): Bị cáo L1 nhận lại 35 thùng (1.400 chai) thuốc trừ cỏ hiệu Moto TSC 550EC 450ml từ đại lý để bán lại cho đại lý khác (không xác định) và đã thu tiền. Bị cáo L1 không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định, mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 5531/KL-HĐĐG ngày 28/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Long An xác định: Thuốc trừ cỏ Moto TSC 550EC 450 ml do Công ty cổ phần L3 xuất bán cho H1 kinh doanh Trần Văn C2 có đơn giá 79.540 đồng/chai. *Tổng giá trị của 35 thùng (1.400 chai) thuốc trừ cỏ Moto TSC 550EC 450 ml là 111.356.000 đồng.*

6. Đối với Cửa hàng V1: Bị cáo L1 thu số tiền công nợ 15.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, nhưng bị cáo không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định, mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

7. Đối với Cửa hàng V2: Bị cáo L1 thu số tiền công nợ của Cửa hàng này là 51.938.596 đồng, nhưng bị cáo không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định, mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

8. Đối với Cửa hàng V3: Bị cáo L1 thu số tiền 82.810.194 đồng, nhưng bị cáo không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định, mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

9. Đối với H1 kinh doanh Tân Tiến P2: Bị cáo L1 thu tiền công nợ và hàng hóa từ Hộ kinh doanh này với tổng số tiền cùng giá trị hàng hóa trị giá thành tiền

là 708.729.587 đồng, nhưng bị cáo không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định, mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

10. Đối với H1 kinh doanh Nguyễn Văn P3 (Đ): Bị cáo L1 thu số tiền từ hộ kinh doanh này là 36.620.000 đồng, nhưng bị cáo không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định, mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

11. Đối với H1 kinh doanh Mười Quấn: Bị cáo L1 thu tiền từ Hộ kinh doanh này với số tiền 73.261.424 đồng, nhưng bị cáo không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định, mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

12. Đối với H1 kinh doanh Phạm Văn T3 (T): Ông Nguyễn Thành P là nhân viên của Công ty đã thu từ Hộ kinh doanh này với số tiền 38.909.000 đồng và chuyển cho bị cáo L1 để nộp tiền về Công ty, nhưng bị cáo không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định, mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

13. Đối với Hộ kinh doanh T9: Ông Nguyễn Thành P là nhân viên của Công ty đã thu tiền của H1 kinh doanh này số tiền là 12.664.000 đồng, sau đó chuyển khoản cho bị cáo L1 để nộp tiền về Công ty, nhưng bị cáo không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định, mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

14. Đối với Hợp tác xã N:

- Ông Huỳnh Minh H2 là nhân viên của Công ty đã thu tiền công nợ từ Hợp tác xã này với số tiền 121.159.000 đồng, sau đó giao lại cho bị cáo L1 để nộp tiền về Công ty, nhưng bị cáo không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định, mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Bị cáo L1 trực tiếp thu tiền công nợ từ Hợp tác xã theo các hóa đơn bán hàng số 0000465 ngày 09/8/2021 với số tiền là 20.413.680 đồng và hóa đơn bán hàng số 0000526 ngày 18/8/2021 với số tiền là 32.023.110 đồng, nhưng bị cáo không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định, mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

- Ngoài ra, bị cáo L1 còn thu lại hàng hóa do Hợp tác xã này trả lại gồm: 120 chai thuốc trừ sâu Amater TSC 150SC 50ml; 200 chai thuốc trừ sâu Cabatox 600EC 450ml; 100 gói thuốc trừ ốc bươu vàng Tatoo 150AB 800g; 1.600 gói thuốc trừ bệnh Lazole TSC 750WP 40g; 280 chai phân bón lá Amino Tech 500ml; 120 chai thuốc trừ sâu Checksau TSC 500EC 450ml; 120 chai thuốc trừ bệnh Novo TSC 400EC 250ml; 1.800 gói thuốc trừ bệnh Xie Xie 200WP 40g. Tất cả số hàng hóa này, bị cáo L1 đã bán lại cho đại lý khác (không nhớ cụ thể) và đã thu tiền. Tại Kết luận định giá tài sản số 5872/KL-HĐĐGTS ngày 18/11/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự xác định: Thuốc trừ sâu Amater TSC 150SC 50ml có đơn giá là 52.300 đồng/chai; thuốc trừ sâu Cabatox 600EC 450ml có đơn giá là 98.800 đồng/chai; thuốc trừ ốc bươu vàng Tatoo 150AB 800g có đơn giá là 41.065 đồng/gói; thuốc trừ bệnh Lazole TSC 750WP 40g có đơn giá là 15.732 đồng/gói; phân bón lá Amino Tech 500ml có đơn giá là 65.120 đồng/chai; thuốc trừ sâu Checksau TSC 500EC 450ml có đơn giá là 127.680 đồng/chai; thuốc trừ bệnh Novo TSC 400EC 250ml có đơn giá là 169.200

đồng/chai; thuốc trừ bệnh Xie Xie 200WP 40g có đơn giá là 7.760 đồng/gói. *Tổng giá trị của số hàng hóa trên là 123.140.900 đồng.*

15. Đối với Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân T10: Bị cáo L1 thu tiền công nợ của Doanh nghiệp này với số tiền là 172.861.028 đồng, gồm: Số tiền 30.163.000 đồng chuyển khoản ngày 06/10/2021 và số tiền còn lại nhận tiền mặt, nhưng bị cáo không chuyển nộp tiền về Công ty theo quy định, mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

16. Đối với H1 kinh doanh Lê Vĩnh T4 (T): Hộ kinh doanh này không có nhu cầu đặt mua hàng hóa của Công ty với số lượng nhiều, nhưng bị cáo L1 tự đưa ra thông tin đối với Công ty về việc Hộ kinh doanh này có nhu cầu đặt hàng hóa, với số lượng theo đơn hàng số 0004119 ngày 31/3/2021, gồm: 12.000 chai Thuốc trừ sâu Akka 3.6EC 450ml và 4.000 chai Thuốc trừ sâu Amazin's 3.6EC 450ml. Sau đó, Công ty đã giao 12 lần đủ toàn bộ số lượng hàng hóa theo đơn cho bị cáo trực tiếp nhận hàng tại nhà máy của Công ty hoặc yêu cầu tài xế của Công ty giao hàng tại “Nhà vùng” (nhà ở của nhân viên Công ty, tại thị xã K, tỉnh Long An và bị cáo xác nhận đã nhận lại đầy đủ số hàng trên. Toàn bộ số lượng hàng hóa này, bị cáo bán lại cho các đại lý khác, đã thu tiền toàn bộ (không nhớ rõ chi tiết đại lý mua hàng), chỉ nộp về Công ty số tiền 60.000.000 đồng, số tiền còn lại sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tại Kết luận định giá tài sản số 5531/KL-HĐĐG ngày 28/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Long An xác định: Thuốc trừ sâu Akka 3.6EC 450ml do Công ty cổ phần L3 xuất bán cho H1 kinh doanh Lê Vĩnh T4 có đơn giá 47.620 đồng/chai; Thuốc trừ sâu Amazin's 3.6EC 450ml do Công ty cổ phần L3 xuất bán cho H1 kinh doanh Lê Vĩnh T4 có đơn giá 47.620 đồng/chai. *Tổng giá trị của số hàng hóa trên là 761.920.000 đồng.*

Tại Kết luận giám định số 1239/KL-KTHS ngày 25/12/2023 của Phòng K - Công an tỉnh L kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên “Nguyễn Vũ L” trên các bản Giấy xác nhận công nợ giữa Công ty L3 với các đại lý, trên Biên bản làm việc, Tờ tường trình, Bản tường trình so với mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh), đã quyết định:***

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Vũ Linh P4 các tội “Tham ô tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L 20 (Hai mươi) năm tù, về tội “Tham ô tài sản”.

2.2. Căn cứ: Điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L 07 (B) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2.3 Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Vũ L phải chấp hành hình phạt chung là 27 (Hai mươi bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2024.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cấm bị cáo Nguyễn Vũ L đảm nhiệm chức vụ từ cấp Tổ trưởng trở lên trong thời hạn 03 năm tính kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/5/2025, bị cáo Nguyễn Vũ L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

*Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Bị cáo Nguyễn Vũ L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo thay đổi kháng cáo, bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Đối với tội “Tham ô tài sản” thì bị cáo Nguyễn Vũ L là nhân viên Kỹ thuật thị trường của Công ty L3. Công ty bổ nhiệm bị cáo giữ chức vụ T5 khu vực Long An - Bộ phận bán hàng thuộc bảo vệ thực vật. Bị cáo đã dựa vào chức vụ, quyền hạn được Công ty L3 giao như thu tiền công nợ, điều chuyển hàng hóa, thu tiền bán hàng hóa với mục đích lấy doanh số bán hàng cao, nhận tiền từ nhân viên khác của công ty đã thu hồi công nợ cho công ty. 15 đơn vị là cửa hàng hộ kinh doanh Vật liệu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An đã được Công ty L3 cung ứng hàng hóa để bán ra thị trường chuyển lại cho bị cáo tổng số tiền là 1.823.395.919 đồng. Tuy nhiên, bị cáo không nộp về Công ty mà đã chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân. Căn cứ vào Kết luận giám định số 1239/KL-KTHS ngày 25/12/2023 của Phòng K - Công an tỉnh L kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên “Nguyễn Vũ L” trên các bản Giấy xác nhận công nợ giữa Công ty L3 với các đại lý, trên Biên bản làm việc, T6 trình, B1 trình so với mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Từ đó có cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Vũ L đã phạm tội “Tham ô tài sản” với hành vi dựa vào chức vụ được phân công chiếm đoạt tài sản mà bản thân đang quản lý. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì với số lượng theo đơn hàng số 0004119 ngày 31/3/2021 với tổng giá trị của số hàng hóa trên là 761.920.000 đồng. Bị cáo đã tự ý lấy danh nghĩa của Đại lý Trông Liên để

đặt hàng, thực tế Đại lý Trông Liên không đặt đơn hàng này và bị cáo không trao đổi, thỏa thuận hay bàn bạc với chủ kinh doanh về đơn hàng này. Với số lượng hàng quá lớn nên sau khi nhận hàng từ Công ty L3 bị cáo giao một phần hàng hóa cho Huỳnh Minh H2 là cấp dưới của bị cáo nhận hàng và bán theo yêu cầu của bị cáo. H2 không biết bị cáo giả mạo thông tin của Đại lý Trông Liên để nhận hàng. Hiện bán số hàng hóa đó xong cũng nộp về Công ty L3. Tại Biên bản đối chất giữa bị cáo với ông Lê Vĩnh T4 và ông Huỳnh Minh H2 ngày 02/10/2024 thể hiện là ông T4 không biết, ông T4 không đặt đơn hàng của ông H2 đồng thời xác nhận ông T4 không đặt cho ông H2 đơn hàng nêu trên. Như vậy, bị cáo đưa ra thông tin gian dối, giả mạo danh nghĩa hộ kinh doanh Lê V để đặt hàng, chia nhỏ số lượng rồi đem bán cho các đại lý khác lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo chỉ thanh toán tiền công nợ của Đại lý T11 cho Công ty L3 với số tiền 60.000.000 đồng nhằm giảm bớt số tiền công nợ cho Đại lý T11, qua mắt Công ty L3 để tránh bị phía công ty phát hiện. Từ đó có cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Vũ L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với hành vi đưa ra thông tin gian dối, không đúng sự thật ngay từ ban đầu để chiếm đoạt tài sản gây thiệt hại cho bị hại là Công ty L3.

Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội mà bị cáo Nguyễn Vũ L gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của tổ chức, doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình sản xuất kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp do vậy cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm bị cáo Nguyễn Vũ L đã khai nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bên cạnh đó bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi tham ô tài sản thuộc trường hợp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo chỉ khắc phục số tiền 19.984.000 đồng/1.823.395.919 đồng. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ, không đủ điều kiện để xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo L không thừa nhận về tội danh truy tố, bị cáo chuyển nộp về Công ty L3 số tiền 60.000.000 đồng và vợ bị cáo nộp số tiền 5.000.000 đồng nhằm đảm bảo cho bị cáo khắc phục một phần thiệt hại cho người bị hại (hiện tại, điều kiện về kinh tế của gia đình bị cáo rất khó khăn, không có khả năng nộp thêm tiền để khắc phục thêm hậu quả). Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353 và điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 27 năm tù về tội “Tham ô tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Vũ L về tội “Tham ô tài sản” và kháng cáo kêu oan của bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Luật sư Nguyễn Thanh Bảo D bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vũ L trình bày:*

Đối với tội “Tham ô tài sản” thì trong nội dung vụ án cũng như những lần liệt kê thì bị cáo Nguyễn Vũ L hoàn toàn thu hồi công nợ, bị cáo chưa chuyển tiền về cho công ty, sử dụng vào mục đích cá nhân nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tham ô tài sản” là có căn cứ. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thực chất trong vụ án bị cáo L hoàn toàn không có ý định chiếm đoạt tài sản, ý thức chiếm đoạt tài sản không được hình thành từ lúc ban đầu. Giữa bị cáo L với hộ kinh doanh Lê V và ông Huỳnh Minh H2 chỉ là thỏa thuận đặt hàng, số lượng được giao kết và bị cáo cũng mong muốn có được doanh số bán hàng cao nhưng đến khi đặt hàng xong ông T4 đã thay đổi ý kiến và không đồng ý. Bị cáo đã bán lại cho các đại lý khác để thu tiền. Đây cũng nằm trong quyền và trách nhiệm của bị cáo trong công ty này. Tại Công ty L3 bị cáo L được Công ty bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng khu vực Long An - Bộ phận bán hàng thuộc bảo vệ thực vật, được theo dõi, thu hồi công nợ, thông báo cho công ty B2 về đơn đặt hàng của các đại lý, đẩy doanh số bán hàng tăng cao, bị cáo được quyền nhận lại hàng hóa từ đại lý bán chậm để giao cho đại lý khác, số tiền bán hàng bị cáo có trách nhiệm nộp về công ty để thu hồi công nợ. Bị cáo chậm trễ chưa nộp về công ty nên bị cáo bị xét xử về tội “Tham ô tài sản” là có căn cứ. Bản thân Công ty L3 cũng có một phần trách nhiệm lớn về quản lý tài chính, kế toán và thu hồi công nợ. Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì bị cáo hoàn toàn không có hành vi chiếm đoạt từ đầu, bị cáo có thỏa thuận nhưng mọi việc diễn ra không như mong muốn của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bản án.

*Bị cáo Nguyễn Vũ L trình bày:* Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Tham ô tài sản” và bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo kháng cáo kêu oan đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Vũ L làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm:

[2.1] Đối với tội “Tham ô tài sản”: Bị cáo Nguyễn Vũ L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Tham ô tài sản”, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định:

Ngày 3/10/2020, bị cáo Nguyễn Vũ L được Công ty L3 giao giữ chức vụ Trưởng khu vực Long An vừa là nhân viên kỹ thuật thị trường; với nhiệm vụ được phân

công là theo dõi công nợ, thu nợ, thông báo cho Công ty biết về việc đặt hàng của các Đơn vị đại lý, hộ kinh doanh trên địa bàn khu vực Long An; Ngoài ra, bị cáo được quyền nhận lại hàng hóa từ các đơn vị bán chậm để giao sang các đơn vị khác và số tiền thu được từ bán hàng hóa này bị cáo có trách nhiệm nộp về cho Công ty để cân trừ công nợ cho đơn vị mà bị cáo L đã thu lại hàng trước đó. Theo đó, trong năm 2021 bị cáo đã thu tiền công nợ và tiền bán hàng của các Đơn vị đại lý, hộ kinh doanh trên địa bàn khu vực Long An là 1.823.395.919 đồng nhưng bị cáo không chuyển nộp về Công ty theo quy định mà chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Do đó, với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Bị cáo Nguyễn Vũ L cho rằng hành vi của bị cáo không phải là tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mà là tội “Tham ô tài sản”:

Xét thấy: Vào năm 2021 mặc dù Hộ kinh doanh Lê Vĩnh T7 có nhu cầu đặt hàng nhưng bị cáo L đã đưa ra thông tin gian dối về việc Hộ kinh doanh Lê Vĩnh T8 nhu cầu đặt hàng với số lượng theo đơn hàng số 0004119 ngày 31/3/2021, gồm 12.000 chai thuốc trừ sâu Akka 3.6EC 450ml và 4.000 chai thuốc trừ sâu Amazin's 3.6EC 450ml. Trên cơ sở thông tin đặt hàng do bị cáo cung cấp, Công ty L3 đã tin tưởng giao toàn bộ số lượng hàng hóa theo đơn đặt hàng cho bị cáo; sau đó bị cáo đã dùng số hàng hóa được giao này bán cho các đại lý khác. Số tiền thu về bị cáo và chỉ nộp về cho Công ty 60.000.000 đồng; số tiền còn lại 761.920.000 đồng - 60.000.000 đồng = 701.920.000 đồng (theo kết luận định giá tài sản số 5531/KL-HĐĐG ngày 28/11/2023) bị cáo đã chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, gây dư luận xấu trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham muốn có tiền tiêu xài cá nhân vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, chiếm đoạt số tiền đặt biệt lớn của bị hại; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình sản xuất, kinh doanh của bị hại. Do đó, cần xử bị cáo mức án thật nghiêm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

*Về tình tiết tăng nặng:* Đối với tội “Tham ô tài sản” bị cáo thực hiện nhiều lần, mỗi lần đủ định lượng cấu thành tội phạm thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

*Về tình tiết giảm nhẹ:*

Đối với tội “Tham ô tài sản”: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo khắc phục số tiền 19.984.000 đồng/1.823.395.919 đồng nhưng theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ thì không đủ điều kiện để xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà chỉ được xem xét là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nộp về Công ty số tiền 60.000.000 đồng và vợ của bị cáo nộp số tiền 5.000.000 đồng để cho bị cáo khắc phục hậu quả cho bị hại, thuộc tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con còn nhỏ; phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền án, tiền sự; đại diện của người bị hại yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo...thuộc tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để tuyên xử bị cáo mức án 20 năm tù về tội “Tham ô tài sản” và áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự để tuyên xử bị cáo mức án 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Mặt khác, bị cáo xin giảm nhẹ nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới; Vậy nên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Vũ L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Vũ L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[7] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Vũ L; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh).

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L 20 (hai mươi) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ L 07 (B) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Nguyễn Vũ L phải chấp hành hình phạt chung là 27 (Hai mươi bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo quyết định giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3. Áp dụng khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cấm bị cáo Nguyễn Vũ L đảm nhiệm chức vụ từ cấp Tổ trưởng trở lên trong thời hạn 03 năm tính kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Vũ L phải nộp 200.000 đồng.

5. Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCT&KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tây Ninh; (2)
- VKSND tỉnh Tây Ninh; (1)
- Công an tỉnh Tây Ninh; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh; (1)
- THADS tỉnh Tây Ninh; (1)
- TTG số 2-Công an tỉnh Tây Ninh (Tổng (2)  
đặt cho bị cáo);
- Lưu VT (5), HS (2) (Án Tâm -KT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tuyết Trinh**

